




CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TỔNG HỢP HÀ NỘI


QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
MÃ SỐ: QC-QTCT

Hà Nội, 2022

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: QC-QTCT
		Ngày ban hành: 16/3/2022
		Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

MỤC LỤC

Điều 1. Mục đích ban hành	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt.....	2
Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin	3
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin	4
Điều 6. Tạm hoãn CBTT.....	5
Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong Công ty.....	5
Điều 8. Các nội dung công bố thông tin	7
Điều 9. Lưu trữ tài liệu CBTT	7
Điều 10. Xử lý vi phạm	7
Điều 11. Hiệu lực và tổ chức thực hiện	7

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: QC-QTCT
		Ngày ban hành: 16/3/2022
		Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

Điều 1. Mục đích ban hành

Quy chế công bố thông tin này (“Quy chế”) được ban hành nhằm mục đích:

- Đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Công ty và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định trong các văn bản pháp luật có liên quan.
- Quy định thống nhất hoạt động công bố thông tin của Công ty đến cơ quan quản lý và trên website Công ty.
- Quy định trách nhiệm, việc phối hợp giữa các đơn vị, cá nhân để đảm bảo việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này điều chỉnh hoạt động công bố thông tin theo quy định tại:

- Luật Chứng khoán năm 54/2019/QH14 được ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Chứng khoán (“NĐ 155”);
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“TT 96”);
- Thông tư 118/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (“TT 118”);
- Quy chế công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cá nhân, các Phòng/Ban thuộc Công ty, nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin khi thực hiện các giao dịch cổ phiếu SHN, quyền mua cổ phiếu SHN và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và viết tắt

Công ty: là Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội.

DHĐCĐ: là Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT: là Hội đồng quản trị.

BKS: là Ban kiểm soát.

CBTT: là công bố thông tin.



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

IDS: là Hệ thống tiếp nhận và CBTT công ty đại chúng.

UBCKNN: là Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

SGDCK: là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

TCTLKCK: là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

BCTC: là Báo cáo tài chính.

CQQL: là cơ quan quản lý.

ĐV đầu mối: là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng các dự thảo tài liệu CBTT. Việc xác định ĐV đầu mối theo Phụ lục 01 Quy chế này hoặc chức năng nhiệm vụ của từng Phòng/Ban hoặc theo sự phân công của cấp có thẩm quyền của Công ty.

Người nội bộ: là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ, Người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền công bố thông tin, thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

Phù hợp với quy định pháp luật, việc công bố thông tin được thực hiện qua một hoặc đồng thời các phương tiện sau:

1. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty: website Công ty phải có chuyên mục về quan hệ cổ đông, trong đó phải có Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính định kỳ phải công bố theo quy định và các vấn đề liên quan đến kỳ họp ĐHĐCĐ, cập nhật các thông tin phải công bố theo quy định. Công ty phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này.

2. Hệ thống CBTT của UBCKNN: người CBTT thực hiện đăng nhập vào cổng dữ liệu IDS, gửi bản scan tài liệu CBTT, công văn CBTT hoặc nhập dữ liệu theo yêu cầu của hệ thống.

3. Trang thông tin điện tử của SGDCK: thực hiện đồng thời dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử, gửi báo cáo điện tử qua hệ thống CIMS.

4. Trang thông tin điện tử của TCTLKCK.

3. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin

Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật và đảm bảo:

1. Việc công bố các thông tin cá nhân gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý bằng văn bản/email.
2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.
3. Các đối tượng CBTT khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố gồm các thông tin cá nhân theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản sao bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện việc quản lý theo đúng chức năng, nhiệm vụ.
4. Việc CBTT của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT thuộc trách nhiệm của cá nhân (nhà đầu tư, người có liên quan của nhà đầu tư...) do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.
5. Tài liệu CBTT phải do người có thẩm quyền CBTT ký.
 - a. Người có thẩm quyền ký tài liệu CBTT do Công ty phát hành bao gồm:
 - Chủ tịch HĐQT (đối với tài liệu CBTT do ĐHCĐ/HĐQT/Chủ tịch HĐQT ban hành).
 - Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - Người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.
 - b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì Phó Tổng Giám đốc



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện việc CBTT.

- c. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT theo Phụ lục số 01 TT 96 cùng với Bản cung cấp thông tin theo Phụ lục số 03 TT 96 cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực, đồng thời bổ sung thêm các tài liệu khác theo hướng dẫn của SGDCK (nếu có).
6. Trong trường hợp Công ty không thể chuyển tải tài liệu CBTT đến các CQQL mà không phải do lỗi của Công ty, thì Công ty sẽ gửi email báo lỗi đến các CQQL trong đó mô tả cụ thể lỗi, chụp màn hình lỗi kèm theo (nếu có) đồng thời gửi tài liệu cần CBTT qua email, đường bưu điện/nộp trực tiếp tới CQQL.
7. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên website và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc tiếp theo liền kề.
8. Công ty không phải gửi bản giấy để báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 7 TT 96 và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.
9. Ngôn ngữ CBTT được thực hiện bằng tiếng Việt hoặc ngôn ngữ khác phù hợp với quy định của pháp luật.
10. Các nguyên tắc CBTT khác theo quy định tại TT 96.

Điều 6. Tạm hoãn CBTT

1. Công ty được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện bất khả kháng (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.
3. Trong các trường hợp cần thiết khác, Công ty gửi văn bản đề nghị UBCKNN, SGDCK xem xét và chấp thuận việc tạm hoãn công bố thông tin ra công chúng.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong Công ty

1. Bộ phận CBTT
 - Đầu mối liên hệ, làm việc, giải đáp thắc mắc với CQQL về việc CBTT.




QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

- Sử dụng, quản lý và bảo mật email CBTT của Công ty, user, mật khẩu, chữ ký số, USB-token được CQQL cấp cho Công ty, cho người đại diện theo pháp luật và/hoặc người đại diện CBTT của Công ty để xác nhận trên các báo cáo, tài liệu gửi CQQL, tài liệu CBTT...
 - Chịu trách nhiệm lập công văn CBTT, gửi các tài liệu CBTT và công văn CBTT tới các CQQL, thực hiện các công việc khác theo quy định tại Quy chế này và quy định khác của pháp luật, quy định nội bộ của Công ty.
 - Giám sát, đôn đốc các Phòng/Ban có liên quan trong Công ty hoàn thiện văn bản, tài liệu CBTT đúng thời hạn, thông báo kịp thời cho các Phòng/Ban trong Công ty về các yêu cầu của CQQL liên quan đến việc điều chỉnh, đính chính tài liệu CBTT và/hoặc công văn CBTT.
 - Lưu trữ bản mềm tài liệu CBTT, công văn CBTT.
2. Ban Hành chính – Nhân sự
- Lưu trữ, bảo quản và/hoặc hủy tài liệu CBTT theo đúng thời hạn quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ khác của Công ty.
 - Cung cấp bản gốc tài liệu CBTT khi được CQQL yêu cầu.
 - Cung cấp bản chính/bản sao tài liệu CBTT cho các Phòng/Ban trong Công ty khi được yêu cầu để phục vụ cho công việc của Công ty.
3. ĐV đầu mối
- Chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng dự thảo tài liệu CBTT, sửa đổi tài liệu CBTT (nếu cần).
 - Yêu cầu các Phòng/Ban có liên quan cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời.
 - Chuyển đầy đủ và đúng hạn tài liệu CBTT cho Bộ phận CBTT để thực hiện CBTT theo đúng thời hạn quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật. Thời hạn chuyển tài liệu CBTT: Trước ít nhất 01 ngày làm việc đối với tài liệu CBTT định kỳ và trước 16h00 của ngày CBTT đối với tài liệu CBTT bất thường/theo yêu cầu.
 - Phối hợp với Bộ phận CBTT để giải trình khi có yêu cầu của CQQL.
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ trong các thông tin trong tài liệu CBTT mà ĐV đầu mối trực tiếp soạn thảo; chuyển bản gốc tài liệu CBTT để Ban Hành chính – Nhân sự lưu trữ theo quy định; Lưu trữ tài liệu CBTT dưới dạng điện tử (scan, pdf, word, excel ..) do ĐV đầu mối lập.
 - Các trách nhiệm khác theo quy định tại Quy chế này, quy định nội bộ và quy định pháp luật có liên quan.

 SHN Do My Best	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: QC-QTCT
		Ngày ban hành: 16/3/2022
		Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

Điều 8. Các nội dung công bố thông tin

Nội dung CBTT và trách nhiệm của từng bộ phận của Công ty theo Phụ lục 01 Quy chế này.

Điều 9. Lưu trữ tài liệu CBTT

Việc lưu trữ và hủy tài liệu CBTT được thực hiện theo quy định của Công ty về lưu trữ hồ sơ/chứng từ, đồng thời đáp ứng yêu cầu sau:


TT	Loại hồ sơ, tài liệu	Hình thức lưu giữ	Thời gian lưu giữ
1	Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng	Văn bản/ dữ liệu điện tử	Tối thiểu 10 năm
		Trên trang thông tin điện tử	Tối thiểu 5 năm
2	Các thông tin công bố bất thường, công bố theo yêu cầu của CQQL hoặc các hoạt động khác	Trên trang thông tin điện tử	Tối thiểu 5 năm
		Văn bản/ dữ liệu điện tử	Tối thiểu 10 năm

Điều 10. Xử lý vi phạm

Cá nhân, phòng ban các đơn vị có liên quan nếu có hành vi, vi phạm các quy định công bố thông tin trong Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan đến việc công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định nội bộ của Công ty và/hoặc quy định pháp luật (nếu có).

Điều 11. Hiệu lực và tổ chức thực hiện

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế CBTT được ban hành kèm theo Quyết định số 66/QĐ-SHN/2020 của Tổng Giám đốc Công ty ngày 8/9/2020.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến nghĩa vụ CBTT chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ công bố thông tin của các đối tượng có nghĩa vụ CBTT liên quan.
3. Căn cứ vào nội dung Quy chế này, Tổng Giám đốc ban hành Quy trình CBTT cụ thể để các hướng dẫn các cá nhân, phòng ban, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN	Mã số: QC-QTCT
		Ngày ban hành: 16/3/2022
		Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

triển khai thực hiện.

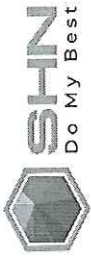
4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền phê duyệt.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hậu



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

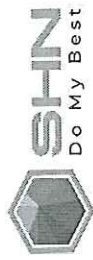
Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

PHỤ LỤC

(Đính kèm Quy chế Công bố thông tin)

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ					
1.	BTC năm đã được kiểm toán	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Khoản 1 Điều 10 TT 96, Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế
2.	BTC bán niên đã được soát xét	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	<ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm	Khoản 2 Điều 14 TT 96, Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế



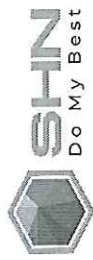
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
3.	BCTC quý (đã được soát xét, nếu có)	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	<ul style="list-style-type: none">- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.	Khoản 3 Điều 14 TT 96, Quy chế CBTT của SGDCK Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.	Ban chính toán Tài kế



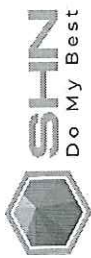
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
4.	Báo cáo thường niên	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phụ lục IV TT 96, Quy chế CBTT của SGDCK	Tài chính kế toán
5.	Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn dài hơn.	Điểm a Khoản 3 Điều 10 TT 96, Quy chế CBTT của SGDCK Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)	Bộ phận Pháp chế
6.	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết	Điểm b Khoản 3 Điều 10 TT 96, Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
7.	Báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm và cả năm	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	Phụ lục V TT 96	Bộ phận CBTT
8.	Bảng cung cấp thông tin về quản trị công ty 06 tháng đầu năm và cả năm	SGDCK	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo 06 tháng đầu năm: Chậm nhất là ngày 30/7- Báo cáo cả năm: Chậm nhất là ngày 30/1 năm tiếp theo	Mẫu 09_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT
9.	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm dương lịch.	SGDCK	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo 6 tháng đầu năm căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6, gửi tới SGDCK chậm nhất là ngày 30/7;- Báo cáo 6 tháng cuối năm căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12, gửi tới	Mẫu 01_CBTT/SGDHN kèm theo Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT



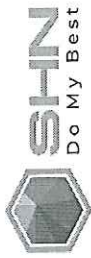
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẮT THƯỜNG (<i>Lưu ý nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và giải pháp khắc phục (nếu có)</i>)					
1.	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm a Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế



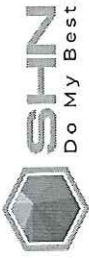
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
2.	trường hợp quy định tại mục này Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm b Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
3.	Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm d Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính kế toán



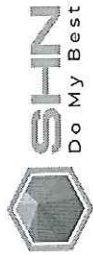
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
4.	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm đ Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính toán
5.	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh,	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm e Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế



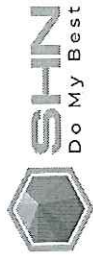
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
6.	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm g Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế



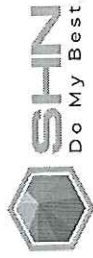
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
7.	đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm h Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế



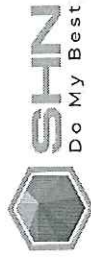
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
8.	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm i Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT
9.	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện. Thời điểm công bố thông tin đối với từng trường hợp cụ thể theo Điểm k Khoản 1 Điều 11 TT 96	Điểm k Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế
10.	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm 1 Khoản 1 Điều 11 TT 96. Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người	Ban Hành chính nhân sự



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT
Ngày ban hành: 16/3/2022
Quyết định số: 04/2022/NQ-HDQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty).			nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III TT 96; Quy chế CBTT của SGDCCK	
11.	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty	UBCKNN; SGDCCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm n Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCCK	Bộ phận Pháp chế
12.	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên	UBCKNN; SGDCCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm o Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCCK	Bộ phận Pháp chế



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT
Ngày ban hành: 16/3/2022
Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	quan đến hoạt động của Công ty				
13.	Khi nhận được quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm o Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính toán
14.	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm p Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ Pháp chế
15.	Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm q Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính toán



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HDQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
16.	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm r Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế
17.	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến tình hình quản trị của công ty	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm r Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế
18.	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Điểm s Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính kế toán
19.	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: thông báo mời	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn	Điểm a Khoản 3 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
20.	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết. Trường họp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).	Bộ phận Pháp chế



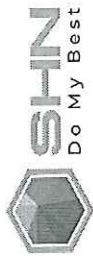
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
21.	<p>của cổ đông không phải là cổ đông lớn</p> <p>Lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.</p> <p>Tài liệu công bố gồm: Thông báo về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, các tài liệu kèm theo, phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; website Công ty</p>	<p>Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn</p>	<p>Điểm b Khoản 3 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK</p>	<p>Bộ phận Pháp chế</p>
22.	<p>Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong trường</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; website Công ty</p>	<p>Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết</p>	<p>Điểm c Khoản 1 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK</p>	<p>Bộ phận Pháp chế</p>



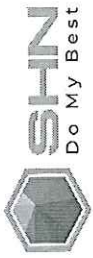
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản				
23.	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	Điểm a Khoản 4 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế
24.	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Điểm b Khoản 4 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ Pháp chế
25.	Công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hỏi tố báo cáo tài chính trong trường hợp	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn CBTT về BCTC năm/bán niên/quý như quy định tại Mục I.1, I.2, I.3 Phụ lục này	Khoản 5 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế



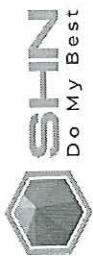
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
26.	<p>tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố</p> <p>Công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp sau khi thay đổi kỳ kế toán</p>	<p>UBCKNN; SGDCK; website Công ty</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.</p>	<p>Khoản 6 Điều 11 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK</p>	<p>Ban Tài chính kế toán</p>



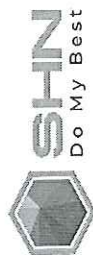
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
27.	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Khoản 2 Điều 15 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế
28.	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Khoản 2 Điều 15 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK Căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ;	Ban chính toán Tài kế
29.	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Khoản 2 Điều 15 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế



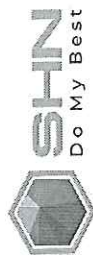
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	góp trước thời điểm góp vốn).				
III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU (Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có))					
1.	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu	Điều 12 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính toán Ban Tài kế toán
2.	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu	Điều 12 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính toán Ban Tài kế toán



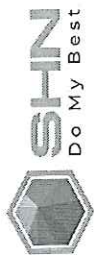
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
IV. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY					
1.	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán	Khoản 1 Điều 13 TT 96; ND 155; TT 118; Luật chứng khoán Quy chế CBTT của SGDCK	Ban chính toán Tài kế
2.	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này	UBCKNN; TCTLKCK; SGDCK; website Công ty	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	Khoản 2 Điều 13 TT 96; ND 155. Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT
3.	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ		Ban chính toán Tài kế



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
4.	Hoạt động chào mua công khai	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Theo quy định pháp luật về chứng khoán	Điều 35 TT 96; NĐ 155; TT 118; Luật Chứng khoán Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận Pháp chế
5.	Công bố, báo cáo các giao dịch với vai trò là cổ đông lớn hoặc cổ đông sáng lập hoặc người có liên quan của cổ đông nội bộ	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Tùy trường hợp cụ thể	Điều 31, 32, 33, 34 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT
6.	Thay đổi địa chỉ website Công ty	UBCKNN; SGDCK	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này	Khoản 2 Điều 7 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Hành chính - Nhân sự
V. CBTT KHI CÔNG TY NHẬN ĐƯỢC BÁO CÁO CỦA CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG LIỆT KÊ DƯỚI ĐÂY					
1.	Tổ chức, cá nhân, nhóm tổ chức/cá nhân trở thành	Website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Khoản 6 Điều 31 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT



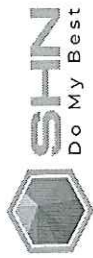
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty				
2.	Cổ đông lớn của Công ty có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu	Khoản 6 Điều 31 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT
3.	Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này dự kiến thực hiện giao dịch cổ phiếu Công ty với giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu	Website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan	Khoản 7 Điều 33 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT



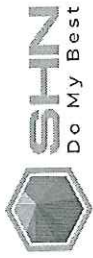
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho				



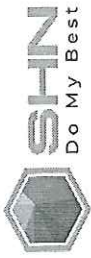
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)				
4.	CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức/cá nhân	SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Khoản 2. Điều 86 NBĐ 155 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT
5.	Hội đồng quản trị Công ty CBTT về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai Đánh giá, khuyến nghị của Hội đồng quản trị đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được	Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	Điều 87 NBĐ 155 Quy chế CBTT của SGDCK	Bộ phận CBTT



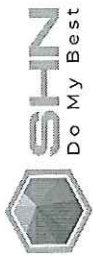
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
VI. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC PHÁT HÀNH/CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU					
1.	CBTT về BCTC	Như trường hợp CBTT định kỳ	Như trường hợp CBTT định kỳ	Như trường hợp CBTT định kỳ	Ban chính toán Tài kế
2.	Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư: CBTT định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Định kỳ 06 tháng, phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo	Điểm b Khoản 2 Điều 19 TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK Phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt	Ban chính toán Tài kế



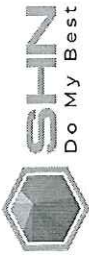
QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
	toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước			chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	
3.	CBTT về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Điều c Khoản 2 Điều 19 TT 96 Mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo TT 96 Quy chế CBTT của SGDCK	Ban Tài chính toán Ban chính toán



QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Mã số: QC-QTCT

Ngày ban hành: 16/3/2022

Quyết định số: 04/2022/NQ-HĐQT

STT	Tài liệu CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố	Thời hạn CBTT	Căn cứ pháp lý, yêu cầu về nội dung, biểu mẫu, lưu ý khác	ĐV đầu mối
4.	CBTT về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi (đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc)	UBCKNN; SGDCK; website Công ty	Tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu	Điểm đ Khoản 2 Điều 19 TT 96	Ban Tài chính toán
5.	Các trường hợp CBTT khác theo quy định pháp luật			Theo quy định pháp luật về phát hành/chào bán trái phiếu	Ban Tài chính toán

